

## **Công việc chăm sóc không lương: Nhìn từ góc độ giới**

**Phạm Thu Hiền**

Trung tâm Nghiên cứu Giới và Lãnh đạo nữ  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Tóm tắt:** Công việc chăm sóc không lương là vấn đề sống còn đối với cuộc sống của con người và sự vận hành của nền kinh tế bất chấp thực tế về sự vô hình của nó trong các diễn đàn và thảo luận chính sách của các quốc gia. Ở phạm vi toàn cầu, gánh nặng công việc chăm sóc không lương tác động tiêu cực đến cuộc sống của phụ nữ. Một trong những chỉ tiêu của Mục tiêu Phát triển bền vững (Mục tiêu 5) là “công nhận giá trị của công việc chăm sóc không lương thông qua cung cấp dịch vụ công, cơ sở hạ tầng và chính sách an sinh xã hội, tăng cường chia sẻ trách nhiệm trong gia đình”. Ở Việt Nam, giảm thời gian làm công việc chăm sóc không lương của phụ nữ được xác định trong Chiến lược Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020. Dựa trên việc rà soát các nghiên cứu và số liệu, bài viết cung cấp bằng chứng về sự ảnh hưởng của gánh nặng công việc chăm sóc không lương đối với sự phát triển của phụ nữ và bàn về những vấn đề của Việt Nam, qua đó góp phần vào các cuộc thảo luận chính sách ở Việt Nam<sup>(1)</sup>.

**Từ khóa:** Phụ nữ; Bình đẳng giới; Công việc chăm sóc không lương; Công việc nhà.

Ngày nhận bài: 2/2/2017; ngày chỉnh sửa: 16/3/2018; ngày duyệt

## 1. Hiểu đúng về bản chất của công việc chăm sóc không lương là điểm cốt lõi

Trong ngôn ngữ tiếng Anh cũng như tiếng Việt, có nhiều thuật ngữ khác nhau được sử dụng để mô tả và phân tích về công việc chăm sóc trong gia đình. Thuật ngữ “Công việc chăm sóc không lương”<sup>(2)</sup> được sử dụng trong bài viết này đề cập đến công việc nội trợ như nấu ăn, chuẩn bị thức ăn, lau chùi, giặt giũ quần áo, lấy nước và nhiên liệu... và công việc chăm sóc trực tiếp như chăm sóc trẻ em, người già, người khuyết tật và người lớn... (Mạng lưới Giới và Phát triển, 2014).

Thực tế hiện nay cho thấy, công việc chăm sóc mang đặc tính về giới, có nghĩa là phụ nữ và trẻ em gái là những người chăm sóc chính. Hiện tượng mang tính toàn cầu này có những tác động sâu sắc về mặt kinh tế và xã hội, nhất là trong bối cảnh nghèo đói, khuyết tật, HIV/AIDS và điều kiện thiếu thốn các dịch vụ công có chất lượng. Công việc chăm sóc không lương có mối quan hệ chặt chẽ với các yếu tố nhân khẩu học và xã hội, ví dụ như có sự khác biệt trong việc thực hiện các công việc chăm sóc không lương về thời gian, mức độ, chất lượng giữa các hộ gia đình ở nông thôn - thành thị, hộ gia đình giàu - nghèo, dân tộc và vị thế xã hội của các cá nhân tham gia vào công việc này.

Quan niệm truyền thống về kinh tế đã không chỉ ra mối quan hệ và sự phụ thuộc giữa công việc có lương và công việc chăm sóc không lương, vì vậy, cần định nghĩa lại về nền kinh tế (UNIFEM, 2000). Công việc chăm sóc không lương có những chi phí cả về tài chính và tình cảm và vượt qua ranh giới của nền kinh tế có lương và nền kinh tế không lương (Daly and Lewis, 1998, trích theo Sharp, 2003). Theo Rhonda Sharp, công việc chăm sóc không lương thường vô hình trong các chính sách và ngân sách bởi vì nó không nằm trong định nghĩa và đo lường theo cách truyền thống của nền kinh tế (Sharp, 2003). Sự vô hình của nó thể hiện trong Hệ thống tài khoản quốc gia, có nghĩa là không được tính vào GDP.

Các nhà kinh tế học có quan điểm về giới chỉ ra bản chất của công việc chăm sóc không lương có mối liên quan chặt chẽ với kinh tế. Đó chính là tiền đề cho những bàn luận về nền kinh tế chăm sóc trong những năm gần đây. Chăm sóc là cơ sở của nền kinh tế thị trường và là một hoạt động kinh tế, cần đến nguồn lực để thực hiện như một công việc. Theo cách đó, kinh tế hàng hoá không thể thực hiện nếu không có sự tồn tại của kinh tế chăm sóc (UN Women Training Centre, 2014:86). Chăm sóc không chỉ được nhìn nhận là sự hao tổn hay chi phí của người thực hiện công việc này, mà nó còn được nhìn nhận từ góc độ về sự đóng góp cho nền kinh tế. “Sự tập

trung vào công việc chăm sóc có sự chuyển đổi từ góc độ chi phí của người thực hiện (chủ yếu là phụ nữ) đến việc nhấn mạnh vào sự đóng góp của công việc này đối với phúc lợi của người được nhận sự chăm sóc” (Esquivel, 2011, trích trong Enríquez, 2012) và đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

Ở Việt Nam thuật ngữ “công việc chăm sóc không lương” hầu như không được sử dụng trong các văn bản chính thức. Thay vào đó là cụm từ “việc nhà” hay “công việc gia đình” được sử dụng trong các văn bản như Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Bình đẳng giới và Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020. Việc sử dụng những thuật ngữ này chưa thể phản ánh một cách đầy đủ và đúng nhất về bản chất của công việc chăm sóc không lương. Vì vậy, hiểu không đúng về công việc chăm sóc không lương tiếp tục làm cho công việc này trở nên vô hình và hạ thấp giá trị của nó. Mặc dù là nền tảng của mọi hoạt động kinh tế, nhưng công việc chăm sóc không lương thường bị bỏ qua trong các chính sách công. Nâng cao nhận thức về bản chất và tầm quan trọng của công việc chăm sóc không lương là bước đi đầu tiên trong tiến trình làm cho công việc này trở nên hữu hình và thay đổi cách thức thiết kế chính sách.

## **2. Trách nhiệm không cân xứng đối với công việc chăm sóc không lương**

Các nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra sự bất bình đẳng trong phân công trách nhiệm đối với công việc chăm sóc không lương. Phụ nữ làm 75% khối lượng công việc chăm sóc không lương trên toàn thế giới, ước tính khoảng 13% GDP toàn cầu. Phụ nữ làm gấp 2,5 lần công việc này so với nam giới, trong đó có sự khác biệt giới rất lớn trong việc thực hiện các công việc như nấu ăn, dọn dẹp và chăm sóc các thành viên trong gia đình (IDS, 2016). Những phát hiện tương tự như vậy đã được đề cập trong Báo cáo Phát triển thế giới năm 2012 và Báo cáo Phát triển con người năm 2015 của UNDP. Trách nhiệm không cân xứng trong việc thực hiện công việc chăm sóc không lương còn thể hiện đối với bé gái từ rất sớm. “Trên toàn cầu, bé gái trong độ tuổi từ 5-14 bỏ ra 550 triệu giờ mỗi ngày để làm việc nhà, so với 160 triệu giờ của bé trai cùng lứa tuổi” (UNICEF, 2016).

Ở Việt Nam, theo các số liệu của Điều tra mức sống hộ gia đình do Tổng cục Thống kê (GSO) tiến hành hai năm một lần bắt đầu từ năm 2002, công việc chăm sóc không lương là trách nhiệm chủ yếu của phụ nữ. Theo Điều tra này vào năm 2008, phụ nữ và nam giới bỏ ra số giờ tương ứng là 2,2 giờ và 1,5 giờ mỗi ngày cho công việc gia đình (Rodgers, 2015). Đây là số liệu thống kê duy nhất ở cấp quốc gia. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng,

thuật ngữ “việc nhà” trong điều tra này bao gồm nấu ăn, dọn dẹp, giặt giũ, đi chợ, lấy củi/nước và sửa chữa đồ dùng trong gia đình, trong khi đó lại không tính đến công việc chăm sóc trẻ em, người già, người ốm. Việc loại bỏ các công việc chăm sóc trực tiếp này ra khỏi nội hàm của khái niệm “việc nhà” cho thấy, phương pháp tiến hành chưa đảm bảo đo lường chính xác về giá trị và thời gian sử dụng của phụ nữ và nam giới cho công việc chăm sóc không lương. Theo quan niệm truyền thống, chăm sóc và dạy dỗ trẻ em là “chức năng thiên bẩm” của phụ nữ. Điều đó có nghĩa là trên thực tế thời gian mà phụ nữ bỏ ra cho công việc chăm sóc không lương là nhiều hơn so với số liệu được công bố. Rất đáng tiếc, câu hỏi về số giờ làm việc nhà chỉ được đưa vào Điều tra mức sống hộ gia đình cho đến năm 2008, từ năm 2010 câu hỏi này đã không được đưa vào.

Theo một nghiên cứu của Action Aid Việt Nam thực hiện năm 2016, ước tính công việc chăm sóc không lương đóng góp trên 20% GDP của Việt Nam. Khảo sát sử dụng thời gian thông qua nhật ký thời gian do Tổ chức Action Aid tiến hành ở 9 tỉnh vào năm 2016 cho thấy, phụ nữ sử dụng 314 phút và nam giới là 190 phút mỗi ngày cho công việc chăm sóc không lương, mà không có sự khác biệt giữa các nhóm phụ nữ có trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân khác nhau (ActionAid, 2016).

Một vấn đề cần được lưu ý ở đây là số giờ làm công việc chăm sóc không lương của phụ nữ và nam giới ở Việt Nam rất có ít sự thay đổi trong những năm qua và khoảng cách giới trong việc thực hiện công việc này vẫn được duy trì qua các thế hệ bất chấp những thay đổi nhanh chóng về cơ cấu của nền kinh tế Việt Nam (Sunhwa, 2006). Theo nghiên cứu gần đây về các yếu tố xã hội quyết định bất bình đẳng giới ở Việt Nam cho thấy, trong khi những tiến bộ đã đạt được trong nhiều lĩnh vực thì vai trò của người thực hiện công việc chăm sóc được gán cho nữ giới vẫn ăn sâu trong suy nghĩ và hành vi của nam giới và phụ nữ Việt Nam ở mọi tầng lớp xã hội. Sự mất cân bằng trong phân công lao động trong công việc này là một khoảng cách lớn và là yếu tố chính làm ảnh hưởng và duy trì sự bất bình đẳng giới.

### **3. Tác động về giới của sự phân công bất bình đẳng trong công việc chăm sóc không lương**

Công việc chăm sóc không lương có chi phí cơ hội và vì vậy chủ thể chính thực hiện công việc này bị chịu những tác động tiêu cực. Sự ảnh hưởng mang tính đa chiều cạnh, xuyên suốt các lĩnh vực: giáo dục, việc làm, sức khoẻ và sự tham gia vào đời sống chính trị. Những tác động này trở nên lớn hơn đối với phụ nữ nghèo - những người không có khả năng

tiếp cận với các dịch vụ tư nhân và công nghệ tiên tiến để làm nhẹ gánh nặng công việc chăm sóc không lương, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nơi mà các dịch vụ công còn thiếu hoặc kém chất lượng. Báo cáo đặc biệt về Nghèo đói và Quyền con người của Đại hội đồng Liên Hợp quốc năm 2013 đã nhận định “Công việc chăm sóc không lương là vấn đề cốt lõi của quyền con người”. Việc không được tiếp cận với dịch vụ chăm sóc y tế, giáo dục và việc làm có chất lượng là do gánh nặng công việc từ các việc chăm sóc không lương nên các quyền con người bị xâm phạm.

### *Tác động đến giáo dục và đào tạo*

Gánh nặng công việc chăm sóc không lương có tác động tiêu cực đến việc đi học của trẻ em gái và cơ hội giáo dục và đào tạo sau này của phụ nữ. Theo nghiên cứu gần đây ở Việt Nam, có gần 20% phụ nữ và 7% nam giới được khảo sát cho rằng, trách nhiệm thực hiện công việc gia đình là một trong ba lý do hàng đầu khiến họ không thể tiếp tục học tập (Viện nghiên cứu Phát triển xã hội, 2015). Bất bình đẳng giới trong giáo dục có một phần lý do từ trách nhiệm thực hiện công việc chăm sóc không lương của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình.

### *Tác động đến sự tham gia vào thị trường lao động*

Những cản trở về thời gian là rào cản đối với sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động kinh tế hay thị trường lao động. Khoảng cách giới trong trách nhiệm chăm sóc càng lớn thì khoảng cách giới trong tham gia lực lượng lao động càng cao (ILO, 2009). Có mối liên hệ chặt chẽ giữa tỷ lệ lao động nữ và thời gian dành cho công việc chăm sóc không lương. “Ở các nước nơi mà phụ nữ dành trung bình 5 giờ mỗi ngày cho công việc chăm sóc không lương, thì có khoảng 50% phụ nữ trong độ tuổi lao động tham gia lực lượng lao động, trong khi ở các nước phụ nữ bỏ ra 3 giờ mỗi ngày để làm các công việc này thì tỷ lệ nữ tham gia lực lượng lao động là 60%” (OECD, 2014). Công việc chăm sóc không lương là một trong những lý do khiến 25% phụ nữ và 3% nam giới ở các nước châu Âu không tham gia thị trường lao động (ILO, 2009).

Việt Nam có tỷ lệ lao động nữ khá cao so với các nước, nhưng vấn đề của Việt Nam là có nhiều phụ nữ hơn nam giới làm các công việc dễ bị tổn thương, phụ nữ chiếm tỷ lệ cao trong nhóm “lao động trong gia đình, lao động tự tạo việc làm”. Trong năm 2014, lao động làm công ăn lương chiếm 35,6% tổng số lao động, trong đó lao động nữ làm công ăn lương chỉ chiếm 30,6% tổng lao động nữ, trong khi con số này ở nam giới là 40,4% (UN Women Vietnam, 2016). Rõ ràng là trách nhiệm đối với công

việc chăm sóc không lương đã ảnh hưởng đến sự lựa chọn loại hình việc làm của phụ nữ, ví dụ 25% phụ nữ cho biết họ có xu hướng chọn việc làm ở gần nhà để có thêm thời gian cho gia đình. Hơn 20% phụ nữ tham gia khảo sát không đi làm vì phải thực hiện công việc chăm sóc gia đình, so với nam giới là 2% (Viện Nghiên cứu Phát triển xã hội, 2015).

### *Tác động đến thu nhập*

Khoảng cách giới trong thu nhập mang tính dai dẳng và là đặc điểm điển hình của tất cả các loại thị trường lao động. Trên toàn cầu, thu nhập trung bình của phụ nữ ít hơn nam giới là 24%. Về tổng thể, khoảng cách giới trong tiền lương đã thu hẹp ở mức độ không đáng kể trong thập kỷ vừa qua, sự thay đổi diễn ra chậm và khoảng cách lớn vẫn tồn tại ở hầu hết các nước (UN Women, 2015). Bất bình đẳng về thu nhập thường được lý giải bởi sự khác biệt giới trong giáo dục và loại hình công việc, trong khi những yếu tố này lại được định hình bởi một thực tế về gánh nặng công việc chăm sóc của phụ nữ và định kiến đã trói buộc phụ nữ trong những loại hình công việc không được đánh giá là có giá trị cao bao gồm công việc chăm sóc (UN Women, 2015). Ví dụ, phụ nữ có thể lựa chọn công việc bán thời gian hay công việc trong khu vực phi chính thức bởi họ cần cân bằng trách nhiệm gia đình và công việc. Vì vậy, thời gian và chi phí cơ hội đã hạn chế phụ nữ có được thu nhập tốt và công việc có chất lượng, dẫn đến khoảng cách về thu nhập bị giãn ra.

Ở Việt Nam, thu nhập của phụ nữ ít hơn nam giới là 20% (Tổng Cục Thống kê, 2012) và khoảng cách giới trong thu nhập có xu hướng lớn hơn trong vòng 10 năm vừa qua. Tính trung bình, tỷ lệ thu nhập của phụ nữ so với nam giới đã giảm từ 87% vào năm 2004 xuống 80% vào năm 2012. Sự khác biệt giới trong sử dụng thời gian là nguyên nhân đáng kể góp phần vào khoảng cách về thu nhập, nhất là khi có nhiều phụ nữ làm công việc bán thời gian hơn so với nam giới. Lý do quan trọng nhất giải thích cho sự khan hiếm về thời gian của phụ nữ dành cho công việc có lương chính là thời gian họ phải dành cho công việc chăm sóc không lương trong hộ gia đình (Rodgers, 2015).

### *Tác động đến tham gia vào đời sống chính trị*

Trách nhiệm không cân xứng đối với công việc chăm sóc không lương đã góp phần duy trì sự bất bình đẳng giới trong tham gia chính trị bao gồm sự tham gia vào các hoạt động ở cộng đồng và vai trò lãnh đạo. Điều này đã được nhiều nghiên cứu về lãnh đạo nữ ở Việt Nam chỉ ra. Có khoảng 85% những người được hỏi đồng ý là trách nhiệm chăm sóc gia đình là rào cản đối với sự phát triển nghề nghiệp của phụ nữ và 93% cho biết đó

là cản trở lớn nhất đối với nữ lãnh đạo (Oxfam, Care and Apheda, 2012). Nam giới có đại diện nhiều hơn trong các cơ quan thuộc chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội và các hoạt động cộng đồng. Một trong những rào cản đối với phụ nữ trong tham gia các tổ chức chính trị xã hội là do thiếu thời gian và trách nhiệm gia đình (Viện Nghiên cứu Phát triển xã hội, 2015).

### *Tác động đến sức khoẻ*

Thiếu thời gian có thể khiến phụ nữ không tiếp cận được với các dịch vụ chăm sóc sức khoẻ và gánh nặng công việc chăm sóc không lương có thể gây nên những căng thẳng và vấn đề về sức khoẻ. Công việc chăm sóc không lương có thể tạo ra những áp lực về tinh thần, thậm chí là nguy hiểm, ví dụ có thể bị mắc các bệnh do nhiễm khói, nhiên liệu đốt cháy từ các lò đun nấu ăn (Akintola, 2008 trích trong Gender and Development Network, 2014).

Từ lâu đã tồn tại quan niệm và thực tiễn xã hội là những người làm công việc chăm sóc không lương thường có địa vị xã hội thấp. Định kiến về giới trong công việc chăm sóc không lương đã đặt phụ nữ vào vị trí thấp kém trong gia đình và xã hội. Thách thức lại định kiến này có thể vấp phải những chống đối cả về tình cảm, lời nói, thể chất và bạo lực tình dục đối với phụ nữ (Gender and Development Network, 2014). Sự bất bình đẳng trong phân công công việc chăm sóc không lương làm trầm trọng thêm sự mất cân bằng về quyền lực theo giới và làm cho phụ nữ dễ bị bạo lực (Gender and Development Network, 2014).

## **4. Một số vấn đề liên quan đến công việc chăm sóc không lương trong bối cảnh của Việt Nam**

Luật Bình đẳng giới (2006) quy định chia sẻ việc nhà là trách nhiệm của cả phụ nữ và nam giới; vợ và chồng sử dụng thời gian cho phép để chăm sóc người ốm/trẻ em theo quy định của pháp luật. Luật Hôn nhân và Gia đình (2014) quy định “việc giải quyết quan hệ tài sản phải đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của phụ nữ và con cái; công việc nội trợ và các công việc khác có liên quan để duy trì đời sống chung được coi là lao động có thu nhập”. Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 có đưa ra chỉ tiêu “giảm thời gian làm việc nhà của phụ nữ xuống 2 lần vào năm 2015 và 1,5 lần vào năm 2020 so với nam giới”. Điểm đáng lưu ý ở đây là chỉ tiêu này được đưa vào mục tiêu “bình đẳng giới trong gia đình”. Tuy nhiên cho đến nay do không có số liệu ở cấp quốc gia, thiếu các nghiên cứu phân tích và các chiến lược/biện pháp cụ thể nên đã đặt ra

nhiều thách thức trong việc thực hiện chỉ tiêu này. Phần dưới đây bàn về các vấn đề của Việt Nam trong quá trình thúc đẩy hành động hướng tới công nhận, giảm thiểu và phân phối lại công việc chăm sóc không lương.

### ***Định kiến và khuôn mẫu giới***

Quan niệm “nam giới làm việc bên ngoài, phụ nữ đảm nhiệm công việc gia đình” đã ăn sâu vào trong suy nghĩ và thực hành của xã hội mặc dù hiện nay phụ nữ Việt Nam đã tham gia vào hầu hết tất cả các hoạt động kinh tế bên ngoài gia đình. Cách suy nghĩ đó là một cản trở mang tính dai dẳng. Mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện cuộc sống của người dân nói chung và thu hẹp sự khác biệt về giới trong giáo dục, sức khoẻ và việc làm, khuôn mẫu về phân công lao động theo giới trong hộ gia đình biến đổi rất chậm chạp qua thời gian. Phụ nữ tiếp tục thực hiện phần lớn công việc chăm sóc không lương. Đó là nguyên nhân gốc rễ của bất bình đẳng giới bởi vì các khuôn mẫu giới thể hiện cả ở cấp độ cá nhân và tổ chức. Thay đổi và xoá dần những định kiến giới đòi hỏi phải có cách tiếp cận toàn diện và nỗ lực không ngừng của nhiều chủ thể khác nhau.

### ***Thiếu kiến thức, số liệu và bằng chứng***

Ở Việt Nam, như đã đề cập, thay vì sử dụng thuật ngữ “công việc chăm sóc không lương”, thuật ngữ “việc nhà hay công việc gia đình” được sử dụng rộng rãi. Sự thiếu hiểu biết đầy đủ về công việc chăm sóc không lương được thể hiện rất rõ qua quan niệm và thực tiễn xem đó là việc riêng của hộ gia đình và thường được đưa ra khi bàn về bình đẳng giới trong gia đình. Có nghĩa là, công việc chăm sóc không lương không được nhìn nhận từ góc độ kinh tế. Cách hiểu phổ biến đó đã bỏ qua mối liên hệ giữa công việc chăm sóc không lương và công việc có lương cũng như mối liên quan giữa công việc chăm sóc không lương và thành quả của phát triển nói chung.

Mặc dù gánh nặng trách nhiệm gia đình được đề cập đến như một rào cản đối với sự phát triển của phụ nữ trong hầu hết các nghiên cứu về bình đẳng giới ở Việt Nam, song lại có quá ít những phân tích sâu về công việc chăm sóc không lương, nhất là từ góc độ kinh tế. Thiếu các nghiên cứu về tác động của công việc chăm sóc không lương và mối liên hệ giữa công việc này với các vấn đề và sự phát triển của các ngành, lĩnh vực.

### ***Thiếu các công cụ đo lường giá trị và đánh giá tác động***

Khảo sát sử dụng thời gian một cách toàn diện ở cấp quốc gia chưa được tiến hành ở Việt Nam. Như đã đề cập ở trên, Điều tra mức sống hộ gia đình 2004, 2006, và 2008 có một câu hỏi về số giờ làm việc nhà tuy



nhiên câu hỏi đó đã không được đưa ra vào Điều tra từ năm 2010. Nhìn chung còn thiếu kiến thức và hiểu biết về phương pháp Khảo sát sử dụng thời gian, ví dụ Điều tra mức sống hộ gia đình đưa ra định nghĩa về việc nhà bao gồm dọn dẹp, đi chợ, nấu ăn, lấy nước và củi, sửa chữa đồ đạc trong gia đình. Như vậy có thể thấy công việc chăm sóc cho trẻ em, người già, người ốm bị loại ra khỏi khái niệm này. Hiện không có các chỉ số đo lường gánh nặng thời gian của phụ nữ, công cụ và khung phân tích đánh giá tác động của công việc chăm sóc không lương. Khảo sát sử dụng thời gian thông qua phương pháp Nhật ký sử dụng thời gian đã được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới, tuy nhiên đây là vấn đề mới ở Việt Nam.

***Không có sự liên kết giữa công việc chăm sóc không lương và việc thiết kế các chương trình, chính sách***

Sự hiểu biết về tác động của công việc chăm sóc không lương trong bối cảnh rộng lớn hơn đối với tăng trưởng và phát triển nhìn chung còn hạn chế. Điều này đã dẫn đến một thực tế là công việc chăm sóc không lương thường bị bỏ qua trong các thảo luận chính sách và lựa chọn đầu tư công. Cách làm này có vẻ “phù hợp và lô gic” với cách hiểu công việc chăm sóc là vấn đề riêng của mỗi gia đình. Mặc dù giảm thời gian làm việc nhà của phụ nữ được xác định là một chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, song có quá ít các hành động, giải pháp cụ thể để thực hiện, đồng thời không xem đó là vấn đề xuyên suốt liên quan đến tất cả các lĩnh vực.

Các dịch vụ công cơ bản và cơ sở hạ tầng đã được cải thiện trong những năm qua nhờ Chương trình đầu tư của chính phủ về Xây dựng nông thôn mới, Chương trình Xoá đói giảm nghèo và các chương trình khác. Tuy nhiên, ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn trong tiếp cận nguồn nước, điện lưới, đường giao thông và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Đối với dịch vụ công liên quan đến giáo dục mầm non, các chương trình của chính phủ có sự ưu tiên đối với trẻ em thuộc nhóm 5 tuổi, những hỗ trợ cho trẻ em dưới 3 tuổi còn hạn chế và hầu như không có các dịch vụ công cho nhóm trẻ em dưới 18 tháng. Trong khi, gánh nặng công việc chăm sóc đối với người mẹ là lớn nhất khi trẻ em dưới 3 tuổi. Đây chính là những yếu tố tạo nên áp lực trong công việc chăm sóc không lương đối với phụ nữ.

## **5. Kết luận**

Việc giải quyết các thách thức liên quan đến công việc chăm sóc không lương đòi hỏi một giải pháp tổng thể và xuyên suốt. Trước hết là sự thay đổi nhận thức về bản chất của công việc chăm sóc không lương đến việc áp dụng cách tiếp cận đa chiều, đa ngành trong giải quyết vấn đề. Kinh

nghiệm quốc tế chỉ ra Chiến lược hai gọng kìm với 4 mục tiêu (4Rs). Bốn mục tiêu đó là: (i) *Công nhận* công việc chăm sóc là một nhu cầu và là công việc có giá trị kinh tế-xã hội; (ii) *Giảm* sự cực nhọc, sự phụ thuộc và tăng tính tự chủ của con người đối với chăm sóc bản thân; (iii) *Phân phối lại* công việc chăm sóc giữa các thành viên trong hộ gia đình (nam, nữ), giữa nhà nước, khu vực tư nhân và cộng đồng; (iv) *Đảm bảo sự đại diện* của những người chăm sóc, những người phụ thuộc vào sự chăm sóc/những người không tự chăm sóc và các tổ chức phụ nữ trong quá trình ra quyết định. Chiến lược hai gọng kìm bao gồm các chính sách công về lĩnh vực chăm sóc (ví dụ chính sách thai sản cho mẹ, chính sách thai sản cho cha hoặc chính sách thai sản cho cha mẹ...) và lồng ghép bốn mục tiêu nêu trên vào các chính sách, chương trình của chính phủ.

Giải quyết vấn đề chăm sóc không lương cũng cần dựa trên bối cảnh của đất nước. Trong giai đoạn 2016-2020, Việt Nam đang thực hiện các chương trình phát triển kinh tế-xã hội quan trọng như: hai chương trình mục tiêu quốc gia là Chương trình xây dựng nông thôn mới 2016-2020 và Chương trình giảm nghèo bền vững 2016-2020; Chương trình 30A giai đoạn 2016-2020; Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội... Các chính sách đầu tư vào cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội của các chương trình này như chăm sóc sức khỏe và giáo dục, nhất là giáo dục mầm non sẽ giảm thời gian của phụ nữ đối với công việc chăm sóc không lương. Bên cạnh đó là việc thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, các chương trình việc làm giúp phụ nữ có thu nhập tốt, có chính sách hỗ trợ nam, nữ hài hoà công việc và gia đình... là tiền đề quan trọng đối với việc giảm bớt sự cực nhọc và phân phối lại công việc chăm sóc không lương nhưng vẫn đảm bảo công việc chăm sóc được thực hiện một cách tốt nhất. ■

### Chú thích

<sup>(1)</sup> Bài viết là một phần của Tài liệu thảo luận chính sách của UN Women do tác giả thực hiện.

<sup>(2)</sup> Một số thuật ngữ khác như “công việc chăm sóc không được trả công”, “công việc gia đình”, “việc nhà” ...

### Tài liệu trích dẫn

Action Aid. 2016. Để ngôi nhà trở thành tổ ấm. Khuyến nghị chính sách.  
Corina Rodríguez Enríquez. 2012. “Công việc chăm sóc: Sự bỏ qua trong phân

tích kinh tế?”. *Tạp chí Cepal Review* số 106, tháng 4/2012.

Gender and Development Network, 2014. Unpaid Care: A Priority for the post-2015 Development Goals and Beyond. Wood droffe, Jessica and Kate Donald, Briefing 6 July 2014, London.

ILO. 2016. Chính sách phổ cập về bảo vệ người mẹ. Xây dựng nền tảng cho an sinh xã hội, Tài liệu tháng 6/2016, Bộ phận bảo trợ xã hội của ILO.

Institute of Development Studies (IDS). 2016. Policy Briefing: redistributing Unpaid Care Work - Why Tax Matters for Women’s Rights. Issue 109. January.

Mạng lưới Giới và Phát triển. 2014. Chăm sóc không lương: Sự ưu tiên cho các mục tiêu phát triển hậu 2015.

ILO. 2009. Mối liên hệ giữa công việc chăm sóc không lương và công việc được trả lương. Tài liệu số 86.

OECD. 2014. Công việc chăm sóc không lương: Sự bỏ qua trong phân tích khoảng cách giới trong kết quả lao động.

Oxfam, Care and Apheda. 2012. Phân tích giới trong hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Đắc Nông, Nghệ An và Hải Dương.

Rodgers, Y. 2015. Sự khác biệt giới về địa vị kinh tế-xã hội: Bằng chứng từ Điều tra Mức sống hộ gia đình 2012.

Sharp, R. 2003. Lập ngân sách đảm bảo công bằng xã hội.

Sunhwa, L.L. 2006. Phân tích giới về Điều tra Mức sống hộ gia đình 2004.

Tổng Cục Thống kê. 2012. Điều tra mức sống hộ gia đình.

UN Women Training Centre. 2014. Tài liệu đọc về nền kinh tế chăm sóc.

UN Women Training Centre. 2016. Bài viết giới thiệu về nền kinh tế chăm sóc và bình đẳng giới ở Việt Nam cho Tập huấn về Nền kinh tế chăm sóc từ ngày 14-16 tháng 9/2016 tại Hải Phòng.

UN Women Vietnam. 2016. Bài trình bày về phát triển bao trùm ở Việt Nam: xu hướng, thách thức và khuyến nghị cho bình đẳng giới ở Việt Nam, tại Tập huấn về Giới và Thuế, tổ chức tại tháng 5/2016.

UN Women. 2015. Tiến bộ của phụ nữ thế giới.

UNDP. 2015. Báo cáo phát triển con người.

UNICEF. 2016: Sử dụng sức mạnh của số liệu về trẻ em gái. Hướng tới 2030.

UNIFEM. 2000. “Progress of the World’s Women 2000”.

Viện Nghiên cứu phát triển xã hội. 2015. Các yếu tố xã hội quyết định bất bình đẳng giới ở Việt Nam.